|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT CHUYÊN  BẮC NINH  **TỔ ĐỊA LÍ**  ***(Đề thi có 01 trang)*** | **ĐỀ THI CHỌN HSG KHU VỰC DH&ĐB BẮC BỘ**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN THI: ĐỊA LÍ 11**  Thời gian làm bài: 180 phút  *Ngày thi 15/07/2023* |

**Câu 1** *(3,0 điểm)*

a) Phân tích sự thay đổi lượng mưa trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí, theo địa hình, theo lục địa và đại dương.

b) Giải thích tại sao các vùng khô hạn phân bố chủ yếu ở khu vực chí tuyến hoặc ở sâu trong lục địa?

**Câu 2** *(2,0 điểm)*

a) Tại sao tỉ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở nhiều nước đang phát triển còn cao?

b) Phân tích tác động của đầu tư nước ngoài đến việc phát triển kinh tế - xã hội của các nước đang phát triển ?

**Câu 3** *(3,0 điểm)*Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

a) So sánh điểm giống và khác nhau của hai luồng gió cùng hướng tây nam thổi vào Việt Nam trong mùa hạ (từ tháng V đến tháng X).

b) Trình bày những nguyên nhân làm suy giảm tính nhiệt đới của sinh vật nước ta.

**Câu 4** (*3,0 điểm*)

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

a) Phân tích sự khác nhau về chế độ mưa của hai vùng khí hậu Tây Bắc Bộ và Tây Nguyên. Tại sao Nam Bộ gần xích đạo hơn nhưng nhiệt độ trung bình tháng VII vẫn thấp hơn Bắc Trung Bộ?

b) Giải thích sự khác nhau về chế độ nước của sông Hồng và sông Cửu Long.

**Câu 5** *(3,0 điểm)*Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

a) Nhận xét tình hình phân bố dân cư ở vùng Bắc Trung Bộ. Giải thích nguyên nhân.

b) Phân tích những nguyên nhân dẫn đến việc làm vẫn đang là vấn đề kinh tế - xã hội gay gắt ở nước ta.

**Câu 6** *(3,0 điểm)*Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

a) Chứng minh nước ta có nhiều điều điều kiện thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp hàng hóa.

b) Phân tích ý nghĩa của việc phát triển nền nông nghiệp hàng hóa ở nước ta?

**Câu 7** *(3,0 điểm)*Cho bảng số liệu sau:

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CẤP PHÉP CỦA NƯỚC TA

GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2018** | **2020** |
| Số dự án | 1237 | 2120 | 3147 | 2610 |
| Vốn đăng kí *(triệu USD)* | 19886,8 | 24115,0 | 36368,6 | 31045,3 |
| Vốn thực hiện *(triệu USD)* | 11000,3 | 14500,0 | 19100,0 | 19980,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Dựa vào bảng số liệu, nhận xét và giải thích về tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài của nước ta, giai đoạn 2010 - 2020.

-----------HẾT-----------

* *Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam (Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam); không được sử dụng các tài liệu khác.*
* *Giám thị không giải thích gì thêm.*

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT CHUYÊN BẮC NINH  **TỔ ĐỊA LÍ**  ***(HDC có 04 trang)*** | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ THI CHỌN HSG DH&ĐBBB NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN THI: ĐỊA LÍ 11**  Thời gian làm bài: 180 phút  *Ngày thi 15/07/2023* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | **a** | **Phân tích sự thay đổi lượng mưa trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí, theo địa hình, theo lục địa và đại dương.** | **2,0** |
|  |  | + Theo vĩ độ địa lí:  - Mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo do khí áp thấp, nhiệt độ cao, có diện tích rừng xích đạo và đại dương lớn nên lượng bốc hơi cao.  - Mưa tương đối ít ở chí tuyến do khí áp cao, diện tích lục địa lớn.  - Mưa tương đối nhiều ở khu vực ôn đới do có áp thấp, gió Tây ôn đới.  - Mưa càng ít khi càng về gần 2 cực Bắc và Nam do khí áp cao, nhiệt độ không khí rất thấp, nước khó bốc hơi để ngưng tụ thành mây.  + Theo địa hình  - Theo độ cao: càng lên cao lượng mưa càng tăng, đến độ cao nhất định, độ ẩm không khí giảm mạnh sẽ không còn mưa.  - Hướng sườn: Sườn đón gió mưa nhiều, sườn khuất gió mưa ít.  + Theo lục địa và đại dương:  - Mưa nhiều hay ít tùy thuộc và vị trí gần hay xa đại dương. Càng vào sâu trong lục địa mưa càng ít.  - Dòng biển nóng hay dòng biển lạnh chảy ven bờ. Ở nhiệt đới, bờ đông lục địa mưa nhiều hơn bờ tây; ở ôn đới, bờ tây mưa nhiều hơn bờ đông. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **b** | **Giải thích tại sao các vùng khô hạn phân bố chủ yếu ở khu vực chí tuyến hoặc ở sâu trong lục địa?** | **1,0** |
|  | + Các vùng khô hạn phân bố chủ yếu ở khu vực chí tuyến:  - Áp cao ngự trị.  - Tác động của gió Mậu dịch khô nóng.  - Tỉ lệ lục địa lớn.  + Ở lục địa có nhiều vùng khô hạn do ảnh hưởng của biển và đại dương ít nên ít mưa. Ở sâu trong lục địa, mùa hè hấp thụ nhiệt rất mạnh nên rất nóng, mùa đông tỏa nhiệt nhanh nên hình thành hoang mạc. | 0,50  0,50 |
| **2** | **a** | **Tại sao tỉ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở nhiều nước đang phát triển còn cao?** | **1,0** |
|  |  | - Nền kinh tế còn kém phát triển, cơ cấu chậm chuyển dịch, năng suất lao động xã hội thấp tạo ít việc làm. Nông lâm ngư nghiệp còn là ngành chính, mang tính mùa vụ tỉ lệ thiếu việc làm cao.  - Quy mô dân số đông, tăng nhanh, cơ cấu dân số trẻ, số người lao động tăng nhanh gây sức ép lên vấn đề việc làm. Trình độ lao động còn thấp, tỉ lệ lao động qua đào tạo ít, thiếu cán bộ kĩ thuật, công nhân lành nghề không đáp ứng được yêu cầu công việc | 0,50  0,50 |
| **b** | **Phân tích tác động của đầu tư nước ngoài đến phát triển kinh tế xã hội của các nước đang phát triển ?** | **1,0** |
|  | - Đầu tư nước ngoài: vốn, khoa học, kĩ thuật, công nghệ, máy móc,…  - Hiện trạng phát triển kinh tế xã hội ở các nước đang phát triển: trình độ công nghiệp hóa còn thấp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm,…  ***- Tác động:***  *+ Kinh tế:* đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp và dịch vụ, tốc độ công nghiệp hóa, tác động lớn đến sự phát triển kinh tế,…  *+ Xã hội:* tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao mức sống, … | 0,50  0,50 |
| **3** | **a** | **So sánh điểm giống và khác nhau của hai luồng gió cùng hướng tây nam thổi vào Việt Nam trong mùa hạ (từ tháng V đến tháng X).** | **2,0** |
|  |  | ***\* Giống nhau:***  - Hướng: đều có hướng tây nam.  - Nguồn gốc: đều từ vùng biển thổi vào.  - Tính chất: đều nóng ẩm.  - Tác động đến khí hậu: đều gây mưa nhiều.  ***\* Khác nhau:***  - Nguồn gốc và thời gian thổi, tính chất:  + Vào đầu mùa hạ: khối khí nhiệt đới ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương; nóng và ẩm.  + Vào giữa và cuối mùa hạ: gió mùa Tây Nam xuất phát từ áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam vượt xích đạo hợp với khối khí XĐ nên nóng và tầng ẩm rất dày  - Phạm vi ảnh hưởng và tác động đến khí hậu:  + Khối khí nhiệt đới ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương có phạm vi ảnh hưởng hẹp hơn, chỉ gây mưa lớn cho đồng bằng Nam Bộ, Tây Nguyên và gây hiệu ứng phơn khô nóng cho vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ và phần nam của khu vực Tây Bắc,...  + Gió mùa Tây Nam xuất phát từ áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam có tầng ẩm dày hơn, phạm vi ảnh hưởng rộng hơn đem mưa lớn cho cả nước, 2 hướng khác nhau ở 2 miền, ...  *(Nếu thí sinh trình bày đủ nội dung của từng loại gió chỉ cho tối đa 0,5đ/2,0đ).*  *Nếu chỉ nói tác động, không so sánh phạm vi thì ½ tổng điểm mỗi ý* | 0,50  0,50  0,50  0,50 |
| **b** | **Trình bày những nguyên nhân làm suy giảm tính nhiệt đới của sinh vật nước ta.** | **1,0** |
|  | - Do vị trí địa lí có miền Bắc gần chí tuyến, kề liền với khu vực cận nhiệt, nằm trên đường di cư di lưu của các loài sinh vật.  - Do địa hình có nhiều đồi núi với một số khu vực núi cao. Sự phân bậc địa hình tạo ra sự giảm nhiệt, làm xuất hiện đai cận nhiệt và ôn đới núi cao. Hướng núi vòng cung ở khu Đông Bác cũng góp phần hạ thấp đai cận nhiệt.  - Do khí hậu: ảnh hưởng của gió mùa đông Bắc lạnh (diễn giải)  - Do con người (lai tạo, làm mất ưu thế của loài nhiệt đới…) | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **4** | **a** | **Phân tích sự khác nhau về chế độ mưa của hai vùng khí hậu Tây Bắc Bộ và Tây Nguyên. Tại sao Nam Bộ gần xích đạo hơn nhưng nhiệt độ trung bình tháng VII vẫn thấp hơn Bắc Trung Bộ?** | **2,0** |
|  |  | ***\* Phân tích sự khác nhau về chế độ mưa của hai vùng khí hậu Tây Bắc Bộ và Tây Nguyên.***  - Lượng mưa: Tây Bắc Bộ mưa ít hơn Tây Nguyên (DC trạm Điện Biên Phủ và trạm Đà Lạt) do có một phần lãnh thổ chịu tác động của gió phơn, hoạt động của gió mùa Tây Nam ít hơn Tây Nguyên. Tây Nguyên ở sườn đón gió, chịu tác động mạnh của gió tây nam.  - Mùa mưa ở Tây Bắc Bộ từ tháng 4 kết thúc vào tháng IX, ở Tây Nguyên là từ tháng IV đến tháng X (DC) do sự kết thúc hoạt động của gió mùa Tây Nam muộn hơn.  - Mùa khô ở Tây Nguyên sâu sắc hơn do nhiệt độ cao lượng bốc hơi lớn, chịu a/h của gió Tín phong khô nóng; trong khi Tây Bắc Bộ lạnh hơn, chịu a/h yếu của gió mùa ĐB lạnh …  - Tháng mưa cực đại: Tây Bắc Bộ tháng VIII, Tây Nguyên tháng IX (DC) do hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới lùi từ Bắc vào Nam.  ***\* Tại sao Nam Bộ gần xích đạo hơn nhưng nhiệt độ trung bình tháng VII vẫn thấp hơn Bắc Trung Bộ?***  - Nam Bộ có nhiều mưa, xa thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh ở chí tuyến Bắc hơn.  - Bắc Trung Bộ có gió Tây, gần thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh (22/6) hơn. | 0,50  0,50  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **b** | **Giải thích sự khác nhau về sinh vật của phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam nước ta.** | **1,0** |
|  | - Phía Bắc: Hệ sinh thái rừng NĐGM, TP loài đa dạng, có cả các loài nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới (thực vật, động vật). Do khí hậu, vị trí địa lí.  - Phía Nam: Hệ sinh thái rừng CXĐGM, TP loài chủ yếu là nhiệt đới, xích đạo. Do khí hậu, vị trí địa lí. | 0,50  0,50 |
| **5** | **a** | **Nhận xét và giải thích tình hình phân bố dân cư của vùng Bắc Trung Bộ.** | **2,0** |
|  |  | ***\* Nhận xét***  - Mật độ dân số của vùng ở mức thấp 207 người/km2 (2006), thấp hơn mức trung bình cả nước và các vùng đồng bằng khác  - Dân cư có sự phân bố không đồng đều với 7 cấp độ khác nhau: Trong toàn vùng mật độ dân số dao động từ mức thấp nhất là dưới 50 người/km2 đến mức cao nhất là trên 2000 người/km2 (DC)  - Phân hoá về mật độ dân số giữa các khu vực  + Giữa đồng bằng và miền núi: Vùng đồng bằng ven biển phía đông mật độ dân số cao, từ 201 – 500 người/km2. Vùng đồi trước núi 100- 200 người/km2. Vùng đồi núi phía tây, mật độ dân số thấp, 51 - 100 người/km2  + Giữa thành thị và nông thôn, giữa các tỉnh và trong một tỉnh (DC)  ***\* Giải thích***  - Vùng có mật độ dân số thấp do trình độ phát triển kinh tế còn thấp so với cả nước và các vùng khác, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, là vùng đồng bằng duyên hải nhỏ hẹp bị chia cắt mạnh…  - Có sự phân hóa giữa các khu vực chủ yếu do phân hóa về trình độ phát triển kinh tế, địa hình:  + Đồng bằng phía đông mật độ dân cư và đô thị cao do: kinh tế phát triển hơn, CSHT GTVT thuận lợi, gắn với nông nghiệp trồng lúa nước, thuỷ sản, địa hình đồng bằng.  + Vùng núi phía tây: kinh tế chậm phát triển, GTVT khó khăn, địa hình đồi núi bị chia cắt mạnh hơn. | 0,25  0,25  0,25  0,50  0,25  0,25  0,25 |
|  | **b** | **Phân tích những nguyên nhân dẫn đến việc làm vẫn đang là vấn đề kinh tế- xã hội gay gắt ở nước ta.** | **1,0** |
|  | *\* Nhóm nguyên nhân từ nền kinh tế:*  - Sức sản xuất vẫn tăng trưởng chậm so với mức tăng nguồn lao động (số lượng việc làm mới tạo thêm hàng năm chưa đáp ứng đủ …).  - Cơ cấu ngành, lãnh thổ chuyển dịch còn chậm…Các hoạt động kinh tế nông thôn chưa đa dạng…Kinh tế công nghiệp, dịch vụ tại các đô thị phát triển chưa mạnh  *\* Nhóm nguyên nhân từ người lao động:*  - Số lượng lao động tăng nhanh hàng năm (do cơ cấu dân số vàng)…  - Trình độ lao độ tuy đã được cải thiện nâng lên, song chưa đủ khả năng đáp ứng với những đòi hỏi mới từ việc làm. Phân bố, sử dụng lao động chưa hợp lí giữa các ngành kinh tế và vùng lãnh thổ | 0,50  0,50 |
| **5** | **a** | **Chứng minh nước ta có nhiều điều điều kiện thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp hàng hóa.** | **2,0** |
|  |  | \* Khái quát đặc điểm nền nông nghiệp hàng hóa  \* Nước ta có ĐK thuận lợi để phát triển nền NN hàng hóa  - Có mức độ tập trung các nguồn lực tự nhiên cao cho sản xuất nông nghiệp trên quy mô lớn:  + Đất có nhiều loại tốt phân bvoos tập trung thánh các vùng lớn, TL để hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn: đất phù sa, đất đỏ ba dan, đất xám, … (diễn giải)  + Diện tích mặt nước nuôi trồng thuỷ sản tập trung ở Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 70% diện tích mặt nước nuôi trồng thuỷ sản của cả nước:=>phát triển nuôi trồng thủy sản.  + Có 1 số đồng cỏ có diện tích lớn, tập trung trên các bề mặt cao nguyên rộng ở TDMNBB và TN=>phát triển chăn nuôi.  + Khí hậu: nhiệt đới ẩm gió mùa với nền nhiệt cao, ẩm lớn thuận lợi đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, đa dạng hóa cơ cấu cây trồng vật nuôi  + Các thuận lợi khác: nguồn nước phong phú tạo thuận lợi cho nông nghiệp.  - Điều kiện KTXH thuận lợi cho đẩy mạnh thâm canh, nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng, hình thành các vùng chuyên môn hóa nông nghiệp.  + CSVCKT có nhiều tiến bộ: Hệ thống trang trại phát triển mạnh; Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất: sử dụng giống mới, kĩ thuật nuôi tôm công nghiệp; Mạng lưới công nghiệp chế biến phân bố rộng khắp.  + Thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng đặc biệt là thị trường xuất khẩu đã thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hoá phát triển.  + Khác: Lao động: đông, trình độ được nâng cao; Chính sách, thu hút vốn đầu tư… | 0,50  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | **b** | **Phân tích ý nghĩa của việc phát triển nền nông nghiệp hàng hóa ở nước ta?** | **1,00** |
|  |  | Nông nghiệp hàng hóa là nền nông nghiệp hiện đại, người sản xuất quan tâm nhiều đến lợi nhuận và thị trường, ý nghĩa:  - Tạo ra một khối lượng nông sản lớn đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu thu ngoại tệ  - Góp phần đưa nông nghiệp xích lại gần với công nghiệp, thúc đẩy cơ giới hóa nông nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế  - Làm tăng cường thêm sự phân hóa lãnh thổ nông nghiệp, thúc đẩy sự hình thành các vùng chuyên canh, trọng điểm sản xuất nông sản, các mô hình kinh tế trang trại hiệu quả…  - Khai thác sử dụng tốt hơn nguồn tài nguyên thiên nhiên. Nâng cao năng suất và thu nhập cho lao động, chuyển dịch cơ cấu lao dộng theo hướng tích cực | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **6** |  | **Dựa vào bảng số liệu, nhận xét và giải thích về tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài của nước ta, giai đoạn 2010-2020.** | **3,00** |
|  |  | **\* Nhận xét:**  - Số dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp phép, vốn đăng kí và vốn thực hiện của nước ta từ năm 2010-2020 có sự biến động.  - Số dự án và vốn đăng kí từ năm 2010-2018 đều tăng, từ 2018-2020 giảm (dẫn chứng).  Tuy nhiên, từ 2010-2020, số dự án và vốn đăng kí vẫn có xu hướng tăng (dẫn chứng).  - Vốn thực hiện tăng liên tục từ năm 2010 đến năm 2020 (dẫn chứng).  - Tốc độ tăng của số dự án nhanh hơn tốc độ tăng của vốn đăng kí và vốn thực hiện (dẫn chứng).  - Vốn thực hiện so với vốn đăng kí chiếm tỉ lệ ngày càng cao từ năm 2010-2020 (dẫn chứng).  \* **Giải thích:**  - Số dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp phép, vốn đăng kí và vốn thực hiện của nước ta từ năm 2010-2020 nhìn chung đều tăng là do:  + Kết quả của công cuộc Đổi mới, mở cửa, nhiều chính sách khuyến khích thu hút vốn đầu tư nước ngoài của Nhà nước, cải cách thủ tục hành chính và môi trường đầu tư;  + Những lợi thế thu hút đầu tư nước ngoài như dân cư đông, giá lao động rẻ, trình độ lao động tăng, tài nguyên thiên nhiên đa dạng, vị trí địa lí thuận lợi...  + Từ năm 2018-2020, số dự án và vốn đăng kí giảm là do tác động của dịch bệnh covid-19. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,50  0,50  0,50 |